

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 840/2017/HC-PT

Ngày: 15/9/2017

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai trong
trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải
phóng mặt bằng, tái định cư”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Thanh Phong

: Bà Lê Thu Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Lệ Hà - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Tôn Mạnh Hùng - *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ
Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
28/2017/TLPT- HC ngày 12/6/2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải phóng
mặt bằng và tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2017/HC-ST ngày 20/3/2017 của
Tòa án nhân dân Quận L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2005/2017/QĐXXPT-HC ngày
08/9/2017, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Võ Văn B, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Số 546 N, tổ 2, khu phố 1, phường A, Quận L, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Võ Văn D, sinh năm
1970 (Giấy ủy quyền số Công chứng 8548 ngày 26/9/2015 tại Văn phòng công
chứng P, Thành phố Hồ Chí Minh)

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân Quận L.

Địa chỉ: Số 2/304 N, phường H, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận L (Giấy ủy quyền số 2154/UBND ngày 12/8/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Đ, chức vụ: Phó Trưởng ban bồi thường, giải phóng mặt bằng Quận L.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lữ Kim T, sinh 1952.

Địa chỉ: Số 546 N, tổ 2, khu phố 1, phường A, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn B - Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 21/11/2008, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (gọi Ủy ban Thành phố) có Quyết định số 5073/QĐ-UBND (gọi Quyết định 5073) về việc thu hồi 276.598,4m² đất, gồm các thửa đất do hộ gia đình, cá nhân, cơ quan tổ chức đang sử dụng và đất đường giao thông, đất do Nhà nước trực tiếp quản lý tại phường A, phường B, phường H, phường L, phường P Quận L để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện dự án đầu tư mở rộng theo lộ giới N (dự án N).

Ngày 12/01/2009, Ủy ban nhân dân Quận L (gọi Ủy ban Quận L) ban hành Quyết định số 66/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.704,9m² đất của hộ ông Võ Văn B thuộc một phần thửa 1, 2, tờ Bản đồ số 16 (theo tài liệu đo năm 2003) phường A, Quận L để thực hiện dự án Hà Nội.

Ngày 05/02/2009 Ủy ban Thành phố có Quyết định số 451/QĐ-UBND (gọi Quyết định 451) về việc điều chỉnh Quyết định 5073/QĐ-UBND.

Ngày 14/5/2009, Tổ công tác kiểm kê hiện trạng thuộc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận L tiến hành kiểm kê hiện trạng đất bị thu hồi của hộ ông B thì đất đai, tài sản, hoa màu gắn liền với khu đất bị thu hồi là 1.704,9m², gồm: đất có diện tích 96,9m² được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3800/2003 ngày 17/11/2003 của Ủy ban Quận L cấp cho ông B và bà Lữ Kim T; đất có diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.608m², trong đó: diện tích 650,4m² là đất công do Nhà nước quản lý

trước 1975 và diện tích 957,6m² nằm trong lộ giới. Trên khu đất có 01 căn nhà tường cột gạch, sàn gỗ, trần gỗ... xây dựng năm 1985 và các loại cây trồng.

Ngày 04/02/2010, Ủy ban thành phố ban hành Quyết định số 607/UBND-ĐTMT về đơn giá đất để tính bồi thường của dự án N tại Quận L.

Ngày 23/6/2011, Ủy ban Quận L có Quyết định số 151/QĐ-UBND phê chuẩn Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 (gọi Phương án 06) và dự toán đợt 1 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án mở rộng đường N tại các phường A, B, H, P, L Quận L.

Ngày 12/01/2012, Ủy ban Quận L ban hành Quyết định số 87/QĐ-UBND (gọi Quyết định 87) về công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông B theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 03/01/2012 với tổng số tiền 3.548.472.000đồng.

Ngày 03/5/2012, Ủy ban Quận L ban hành Quyết định 585/QĐ-UBND (gọi Quyết định 585) về công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông B theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 19/4/2012 với tổng số tiền 3.396.176.000đồng.

Ngày 20/6/2013, Ủy ban Quận L ban hành Phương án số 01/PABT-HĐBT về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều trong Phương án 06.

Ngày 21/10/2014, Ủy ban Quận L có Quyết định số 924/QĐ-UBND (gọi là Quyết định 924) về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Võ Văn B với tổng số tiền là 8.929.593.000đồng. Theo Bảng tính bổ sung ngày 20/10/2014 thì hộ ông B được tính bồi thường, hỗ trợ cụ thể:

- Bồi thường diện tích 121,1m²(96,9 + 24,4) theo giá đất ở hẻm bê tông cấp 1, vị trí 1 N được tính bằng 80% giá 18.650.000đồng/m² đất ở mặt tiền N; bồi thường bổ sung 800m² đất ở bằng 80% x 18.650.000 đồng (tổng cộng 121,1 + 800 = 921,1m² x 80% x 18.650.000 đồng), thành tiền 8.426.052.000đồng;

- Đất nông nghiệp trong thửa có nhà: 933,4 – 800 = 133,4m² được tính bằng 40% giá 18.650.000 đồng thành tiền 177.155.000 đồng;

- Hỗ trợ đất chiếm dụng sau 30/9/1995 trước 22/4/2002 diện tích 650,40m² được tính hỗ trợ bằng 80% giá đất nông nghiệp 190.000đồng/m², thành tiền 98.861.000 đồng.

- Bồi thường vật kiến trúc xây dựng/đất ở: 105.391.000 đồng;

- Hỗ trợ vật kiến trúc xây dựng/đất ở sau ngày 30/9/1995: 122.134.000 đồng.

Năm 2014, ông B khởi kiện tại Tòa án Quận L yêu cầu hủy bỏ Quyết định 87 và Quyết định 585 và cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện. Ông B kháng

cáo, trong quá trình cấp phúc thẩm giải quyết vụ án, Ủy ban Quận L đã ban hành thêm Quyết định 924. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 1396/2014/HCPT ngày 21/10/2014 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét phần bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 650,40m² được nêu trong Quyết định 924.

Tại đơn khởi kiện ngày 25/9/2015 và đơn thay đổi nội dung khởi kiện đề ngày 11/01/2016 ông B yêu cầu hủy bỏ phần nội dung Quyết định 924 đối với diện tích đất ở 921,1m², diện tích đất nông nghiệp trong thửa có nhà 133,4m² và hỗ trợ vật kiến trúc xây dựng.

** Người khởi kiện có ông D đại diện trình bày:*

Nhà và đất tọa lạc tại số 546 N, tổ 2 khu phố 1, phường A, Quận L, căn cứ vào Giấy bán nhà ngày 15/10/1963; Bảng kê khai nhà cửa, kho tàng và các công trình kiến trúc do ông B lập ngày 09/12/1976; Giấy phép hợp thức hóa ngày 18/3/1994, Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 25/12/2003; Công văn 627/TĐG-SIVC.2011 ngày 18/10/2011 của Công ty cổ phần thông tin thẩm định giá Miền Nam thì nhà và đất của ông B tiếp giáp mặt tiền đường N, được xây dựng trước năm 1993. Vì vậy, ông B yêu cầu:

- Diện tích đất ở 921,1m² và diện tích đất nông nghiệp trong thửa đất có nhà 133,4m² phải bồi thường theo đơn giá thị trường 30.000.000 đồng/m²;
- Nhà và vật kiến trúc phải tính bồi thường, hỗ trợ theo hệ số 2 là 1.0, thời đơn giá phải được tính gấp 3 lần so với đơn giá như trong bảng tính bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 20/10/2014.

** Tại Văn bản số 2666/UBND-BBT ngày 20/9/2016 người bị kiện có ông Thành đại diện trình bày:*

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 24/12/2009 thì phần diện tích 1.054,5m² không có mặt nào tiếp giáp với mặt đường N.

Theo các Biên bản họp xét nguồn gốc nhà và đất ngày 28/10/2010 và ngày 15/10/2014 thì nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà và đất của ông B như sau:

“- Thửa 2¹: diện tích 1054,5m² gồm có nhà và đất do ông B sử dụng trước 1975, đến năm 1986 ông B có sửa chữa lại căn nhà và sử dụng cho đến nay.

- Thửa 1²: diện tích 650,4m² là đất công do Nhà nước quản lý trước 1975, đến năm 1986 ông B khai phá xây dựng nhà xưởng với diện tích 66,6m² sử dụng cho đến nay.

Hội đồng họp xét đã thống nhất kết luận, đất do ông B sử dụng trước ngày 15/10/1993, thời điểm xây dựng các hạng mục được xác định: Nhà vệ sinh, nhà, hiên và phần lầu diện tích 96,9m² theo Giấy chứng nhận; nhà và nhà kho

diện tích 50,5m² xây dựng trước 15/10/1993; nhà diện tích 8,6m², nhà xưởng diện tích 21,6m² + phần phá vỡ kết cấu diện tích 61m², chòi và tất cả phần diện tích gác xây dựng sau bản đồ tài liệu 2003; nhà diện tích 211,96m² xây dựng sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 30/9/1995; phần nhà diện tích 16m², nhà xưởng diện tích 76,3m², sân diện tích 298,9m² và tường rào xây dựng sau ngày 30/9/1995 và trước ngày 22/4/2002; thửa 1⁻² đất công do Nhà nước quản lý, sau ngày 30/9/1995 và trước ngày 22/4/2002 ông B chiếm dụng sử dụng cho đến nay; vật kiến trúc xây dựng trên thửa 1⁻² xây dựng sau ngày 22/4/2002 căn cứ theo Biên bản xử lý vi phạm xây dựng và san lấp mặt bằng do UBND phường A lập ngày 18/4/2003...”

Ngày 05/9/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường (Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố) có Công văn 600/UBND ngày 05/9/2013 về việc đề nghị Ủy ban thành phố xem xét, quyết định đối với đất nằm vị trí mặt tiền đường song hành N được tính hỗ trợ bằng 80% giá đất ở mặt tiền N và Ủy ban thành phố đã chấp thuận theo Công văn số 5056/UBND ngày 23/9/2013.

Hộ của ông B có căn nhà bị giải tỏa thuộc một phần thửa 2 tờ bản đồ 16 nằm vị trí mặt tiền đường song hành N, Phương án 06 quy định giá đất ở mặt tiền N đoạn từ cầu Rạch Chiếc đến ngã tư Thủ Đức là 18.650.000 đồng/m². Phương án 01 quy định trường hợp đất đưa vào sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 22/4/2002, mục đích sử dụng là đất nông nghiệp thì được xét hỗ trợ bằng 80% giá các loại đất nông nghiệp do Ủy ban thành phố quy định và công bố hàng năm. Căn cứ Quyết định 60/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban thành phố thì đất nông nghiệp trồng cây lâu năm mặt tiền thuộc khu vực 1 vị trí 1 là 190.000 đồng. Ủy ban Quận L ban hành Quyết định 924 đối với các phần diện tích ông B khởi kiện là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện ông B, khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy 1 phần Quyết định 924 đối với diện tích đất ở 921,1m², diện tích đất nông nghiệp trong thửa có nhà 133,4m² và vật kiến trúc xây dựng.

Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện vì không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2017/HC-ST ngày 20/03/2017, Tòa án nhân dân Quận L đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B. Ngoài ra bản án còn có phần quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/3/2017, ông Võ Văn B có ông D đại diện theo ủy quyền có đơn

kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Đại diện người khởi kiện trình bày:

Ủy ban Quận L thực hiện việc bồi thường chậm thì phải tiến hành cho định giá lại theo giá trị tại thời điểm thực hiện, đằng này phía Ủy ban vẫn giữ nguyên đơn giá cũ như vậy là thiệt thòi cho ông B. Ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

* Người bị kiện có yêu cầu vắng mặt.

* Tại đơn yêu cầu vắng mặt đề ngày 14/9/2017, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến:

Quyết định 924 Ủy ban Quận L đã căn cứ vào các Quyết định, văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền để ban hành. Do đó, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định bị kiện, đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ y bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng;
- Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện không cơ sở, đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ y quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Kháng cáo của ông Võ Văn B làm trong thời hạn, đúng thủ tục.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại các đơn yêu cầu vắng mặt ngày 10/8/2017, ngày 17/8/2017 và ngày 15/9/2017, người bị kiện có ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Kim T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Văn Đ có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 4

Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện Ủy ban Quận L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thuận và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Đ.

[3] Về nội dung: Khiếu kiện của ông B đối với một phần Quyết định số 924 là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Đơn khởi kiện của ông B còn trong thời hiệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 29 và Điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính Tòa án nhân dân Quận L thụ lý vụ án là đúng quy định.

Xét: Người đại diện của ông B căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy bán nhà ngày 15/10/1963; Bảng kê khai nhà cửa, kho tàng và các công trình kiến trúc do ông B lập ngày 09/12/1976; Giấy phép hợp thức hóa ngày 18/3/1994; Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 25/12/2003 và Công văn 627/TĐG-SIVC.2011 ngày 18/10/2011 của Công ty Cổ phần thông tin thẩm định giá Miền Nam xác định nhà và đất của ông B tiếp giáp mặt tiền đường N, được xây dựng trước ngày 15/10/1993. Yêu cầu Ủy ban Quận L tính lại đơn giá bồi thường và hỗ trợ đối với diện tích đất ở 921,1m² và diện tích đất nông nghiệp trong thửa đất có nhà 133,4m² theo đơn giá thị trường 30.000.000 đồng/m²; Nhà và vật kiến trúc tính theo hệ số 2 là 1.0, thời đơn giá phải được tính gấp 3 lần so với đơn giá như trong bảng tính bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 20/10/2014.

Căn cứ Biên bản kiểm kê hiện trạng đất đai, hoa màu gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư mở rộng theo lộ giới N tại phường A, Quận L do Tổ công tác kiểm kê hiện trạng thuộc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng lập ngày 14/5/2009 thì diện tích đất của ông B bị thu hồi trong dự án là 1.704,9m² thuộc tờ bản đồ số 16, trong đó 650,4m² thuộc thửa 1⁻² tờ bản đồ 16 là đất công do Nhà nước quản lý và 1054,5m² thuộc thửa 2⁻¹ là nhà và đất do ông B sử dụng, có giấy chứng nhận 96,9m² loại đất ở và 957,6m² đất nằm trong lộ giới.

Theo sơ đồ được in trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3800/2003 của Ủy ban Quận L cấp cho ông B và bà Thuận vào ngày 17/11/2003 và Bản đồ hiện trạng vị trí vẽ ngày 24/12/2009 thì khu đất, thửa đất trên không có mặt nào tiếp giáp với lề đường hiện hữu N. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Quận L thừa nhận hộ của ông B nằm trong 63 trường hợp có vị trí mặt tiền đường song hành N, Ủy ban Thành phố đã chấp thuận cho tính bồi thường, hỗ trợ bằng 80% đơn giá đất ở mặt tiền đường N trên địa bàn Quận L theo Văn bản số 5056/UBND-ĐTMT ngày

23/9/2013. Tại Quyết định 607 Ủy ban thành phố, Phương án 6 và Phương án 01 đã điều chỉnh đơn giá đất ở của dự án Hà Nội đối với mặt tiền đường tính từ đoạn Cầu Rạch Chiếc đến ngã tư Thủ Đức là 18.650.000 đồng. Từ khi ban hành Phương án 06, Phương án 01 và Quyết định 151 đến nay 2 phương án này vẫn còn hiệu lực, chưa có quyết định nào hủy bỏ hoặc thay thế. Theo quy định việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đều phải thực hiện theo các Phương án. Đối chiếu với Bảng giá đất ở Quận L ban hành kèm theo Quyết định 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban thành phố quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 thì diện tích đất ở và diện tích đất nông nghiệp trong thửa đất có nhà Ủy ban Quận L đã tính đúng giá trị, không gây thiệt hại cho ông B. Phần xác định của cơ quan thuế trong Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 25/12/2003 chỉ là xác định diện tích để tính thuế, cơ sở để xác định vị trí các mặt tiếp giáp mặt tiền đường hiện hữu là phải căn cứ vào các bản vẽ sơ đồ của các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, đại diện của ông B yêu cầu bồi thường theo đơn giá 30.000.000 đồng/m² không có cơ sở để chấp nhận.

Về nhà, vật kiến trúc, theo Nội dung kết luận trích từ Biên bản họp xét nguồn gốc nhà, đất ngày 15/10/2014 thì phần nhà, nhà xưởng, sân được xác định xây sau ngày 30/9/1995, Khi xây dựng Phương án Hội đồng bồi thường đã căn cứ vào Quyết định của Ủy ban thành phố, cụ thể: Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 ban hành biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố; Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND ngày 31/7/2008 về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quyết định 12 và Quyết định số 92/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 về ban hành hệ số điều chỉnh khi áp dụng Quyết định 12. Trong nội dung các tài liệu chứng cứ trên của ông B không thể hiện thời điểm xây dựng để chứng minh nhà và vật kiến trúc được xây dựng trước 15/10/1993. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông B có ông D đại diện yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy một phần Quyết định 924 không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh được chấp nhận.

Đối với các nội dung khác trong Quyết định 924 và Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn B; giữ nguyên các quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 16/2017/HC-ST ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân Quận L.

2. Về án phí: Ông Võ Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được căn trừ vào 300.000đ đã tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà ông B đã nộp theo các Biên lai thu số AA/2016/0002513 ngày 24/3/2017 và AA/2016/0002694 ngày 28/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận L.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND Quận L;
- Chi cục THA DS Quận L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phượng